

	Số	Tổng số	Lớp 1				Lớp 2				Lớp 3				Lớp 4				Lớp 5			
			Tổng số	Trong tổng số			Tổng số	Trong tổng số			Tổng số	Trong tổng số			Tổng số	Trong tổng số			Tổng số	Trong tổng số		
				Nữ	Dân tộc	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Khuyết tật
13. Ngoại ngữ	1280	1280	222	117		3	241	118		2	255	130	1	1	281	133	1	1	281	129		
Hoàn thành tốt		1109	210	114		1	223	110		2	229	120			225	116			222	104		
Hoàn thành		171	12	3		2	18	8			26	10	1	1	56	17	1	1	59	25		
Chưa hoàn thành																						
14. Tiếng dân tộc																						
Hoàn thành tốt																						
Hoàn thành																						
Chưa hoàn thành																						
II. Năng lực cốt lõi																						
Năng lực chung																						
Tự chủ và tự học	1280	1280	222	117		3	241	118		2	255	130	1	1	281	133	1	1	281	129		
Tốt		1124	203	112		1	225	112			238	123	1		220	114	1		238	112		
Đạt		156	19	5		2	16	6		2	17	7		1	61	19		1	43	17		
Cần cố gắng																						
Giao tiếp và hợp tác	1280	1280	222	117		3	241	118		2	255	130	1	1	281	133	1	1	281	129		
Tốt		1160	205	109		1	229	112			239	125	1		249	125			238	113		
Đạt		120	17	8		2	12	6		2	16	5		1	32	8	1	1	43	16		
Cần cố gắng																						
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	1280	1280	222	117		3	241	118		2	255	130	1	1	281	133	1	1	281	129		
Tốt		1005	180	97		1	213	106			214	115	1		214	113			184	94		
Đạt		275	42	20		2	28	12		2	41	15		1	67	20	1	1	97	35		
Cần cố gắng																						
Năng lực đặc thù																						
Ngôn ngữ	1280	1280	222	117		3	241	118		2	255	130	1	1	281	133	1	1	281	129		
Tốt		1091	197	107		1	232	114		1	231	122	1		229	120	1		202	94		
Đạt		189	25	10		2	9	4		1	24	8		1	52	13		1	79	35		
Cần cố gắng																						